

Bản án số: 260/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 23/11/2020  
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Tiến Dũng .

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Đức Trí;
2. Ông Đỗ Trọng Hoàn.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Cao Thị Bình - Thư ký tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

Ngày 23 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 206/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2020 về việc “Ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2020/QĐXX-ST ngày 28 tháng 10 năm 2020; quyết định hoãn phiên tòa số 45/2020/QĐST/HNGĐ ngày 12/11/2020 đều của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N - Sinh năm 1983; Trú tại: Thôn P.H 2, xã T.X, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa; có đơn đền nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Trịnh Đạo T - Sinh năm 1983; Trú tại: Thôn 9, xã T.T, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Về hôn nhân, tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, chị Nguyễn Thị N trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh T lấy nhau do tự nguyện, có tổ chức cưới theo phong tục tập quán địa phương vào năm 2003 nhưng không đăng ký kết hôn.

Sau khi tổ chức đám cưới hai người chung sống với nhau hạnh phúc được 2 đến 3 năm thì không còn hạnh phúc do mâu thuẫn. Nguyên nhân, do anh T hay chơi

cờ bạc, rượu chè và đánh đập vợ con. Chị đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh T không thay đổi. Gần đây anh T uống rượu sau đó đã đuổi đánh đập chị, do không chịu nổi nên từ năm 2018 chị đã cùng con về nhà bố mẹ đẻ để sinh sống. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

- *Đối với bị đơn, anh Trịnh Đạo T:*

Sau khi Tòa án thụ lý hồ sơ vụ án, anh T đã nhận thông báo về việc thụ lý vụ án, nhận các văn bản khác và đến Tòa án làm việc một lần nhưng không trình bày hay gửi ý kiến của mình cho Tòa án. Anh T cũng không đến để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án đã tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

\* *Về con chung:* Anh T và chị N xác nhận có 02 con chung là Trịnh Đạo N - Sinh ngày 31/7/2003 và Trịnh Thị T.M - Sinh ngày 14/6/2013. Hiện các cháu đang ở với mẹ và phát triển bình thường về thể chất và tinh thần.

- Ý kiến của chị N. Ly hôn chị có nguyện vọng nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T.M. Giao anh T nuôi dưỡng, chăm sóc cháu N. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Trong đơn trình bày nguyện vọng ngày 26/10/2020 cháu Trịnh Đạo N - Sinh ngày 31/7/2003 mong muốn được ở với bố; ngày 27/10/2020 cháu Trịnh Thị T.M - Sinh ngày 14/6/2013 mong muốn được ở với mẹ.

\* *Về tài sản và công nợ:* Chị N và anh T không yêu cầu tòa án xem xét, giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trịnh Đạo T, anh T có hộ khẩu thường trú thôn 9, xã T.T (nay là xã T.X), huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

Chị Nguyễn Thị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh Trịnh Đạo T được triệu tập họp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng không có mặt. Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt chị N, anh T.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2003 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới theo phong tục, nhưng anh chị không làm thủ tục đăng ký kết hôn; anh chị chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian

thì phát sinh mâu thuẫn, từ năm 2018 không sống chung cùng nhau nữa. Xét quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T là vi phạm quy định về “Đăng ký kết hôn” quy định về pháp luật hôn nhân và gia đình. Do đó, căn cứ vào Điều 9, 14, và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị N và anh Trịnh Đạo T.

[3]. Về con chung: Anh T và chị N có 02 con chung là Trịnh Đạo N - Sinh ngày 31/7/2003 và Trịnh Thị T.M - Sinh ngày 14/6/2013. Ly hôn, giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T.M. Giao anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu N. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

[4]. Về tài sản: Chị N và anh T không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xét.

[5]. Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53; các Điều 81, 82, 83, và 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị N và anh Trịnh Đạo T.

2. Về con chung: Giao cho chị N trực tiếp chăm nuôi cháu Trịnh Thị T.M - Sinh ngày 14/6/2013; giao cho anh T trực tiếp chăm nuôi cháu Trịnh Đạo N - Sinh ngày 31/7/2003, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Anh T và chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị N phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) mà chị đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số AA/2019/0006140 ngày 07/8/2020 của chi cục thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân. Chị N đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Tiến Dũng**